

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quế.
2. Ông Đậu Đức Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 13/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 4 năm 1974, tại huyện D, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P (chết), con bà Ngô Thị T, sinh năm 1954; vợ: Lê Thị H, sinh năm 1977; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 01/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 28/2022/HSST, chấp hành xong bản án ngày 09/5/2023; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xử phạt 05 (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 18/2013/HSST, chấp hành xong bản án ngày 23/6/2013; Ngày 30/10/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 67/2014/HSST, chấp hành xong bản án ngày 20/02/2015; Ngày 05/7/2024 bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2024 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Lê Quang T1, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27 tháng 5 năm 1988, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T2, sinh năm 1946, con bà Hoàng Thị H1 (chết); vợ: Hoàng Thị L1 (đã ly hôn); con: Có

02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 28/9/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 51/2021/HS-ST, chấp hành xong bản án ngày 29/3/2023; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 08/2016/HSST, chấp hành xong bản án ngày 12/02/2018; Ngày 05/7/2024 bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPHC; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2024 đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1992, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (chết), con bà Hồ Thị V, sinh năm 1962; vợ: Trương Thị H2, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xử phạt 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, phạt bổ sung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc” tại bản án số 44/HSST, chấp hành xong bản án ngày 21/9/2017; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2024 đến nay (có mặt).

- Người chứng kiến:

+ Ông Phạm Viết S, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Anh Phan Bá H3, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vì muốn có ma túy để bán kiếm lời nên vào khoảng 06 giờ 00 ngày 05/04/2024, L một mình đón xe buýt đến khu vực Ngã ba Thông Thụ thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An để tìm mua ma túy. Tại đây, Vũ Văn L đã hỏi và mua được của một người đàn ông (L không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) 01 (một) gói ni lông màu xanh, có kích thước (9x6)cm bên trong có chứa 250 viên nén màu hồng, mỗi viên có đường kính 0,5 cm, trên một mặt của mỗi viên có in dòng chữ “WY” là ma túy dạng hồng phiến với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, Vũ Văn L cất giấu số ma túy này vào trong túi quần dài phía trước bên trái mà L đang mặc, sau đó đón xe buýt đi về nhà tại xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi về đến nhà, Vũ Văn L cất giấu số ma túy trên vào bên trong túi quần đùi phía trước bên phải mà L đang mặc để khi có người mua thì L sẽ lấy ma túy bán cho người đó. Quá trình cất giấu ma túy tại nhà, L đã một mình sử dụng hết 08 (tám) viên ma túy hồng phiến.

Do quen biết với L nên khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07 tháng 4 năm 2024, Lê Quang T1 một mình đi đến nhà Vũ Văn L tại xóm C, xã N huyện N, tỉnh Nghệ An để hỏi mua ma túy về bán kiếm lời. Khi T1 đến gặp Vũ Văn L có hỏi mua ma túy của L với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) thì L đồng ý. Sau đó, Lê Quang T1 sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, số imei 1: 355629113114950; số imei 2: 355630113114958, gắn sim số 0974857250 của T1 chuyển khoản từ số tài khoản 5130920133 tại ngân hàng B của Lê Quang T1 đến số tài khoản 0861000041301 tại ngân hàng V1 của Vũ Văn L số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi xác nhận đã nhận được số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) T1 đã chuyển khoản thì Vũ Văn L đưa cho Lê Quang T1 một gói ni lông màu xanh có kích thước (9x6,5cm), bên trong có chứa 54 (năm mươi tư) viên nén hình tròn màu hồng có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi viên là 0,5cm, trên một mặt của mỗi viên có chữ “WY” là ma túy tổng hợp (hồng phiến). Số ma túy còn lại là 188 viên thì Vũ Văn L chia ra làm 02 gói gồm: 01 gói ni lông màu xanh kích thước (9x6)cm bên trong có chứa 87 viên ma túy hồng phiến và 01 gói ni lông màu trắng bên ngoài được dán kín bằng băng dán màu đen, bên trong có chứa 101 viên ma túy hồng phiến và cất giấu trong người.

Lê Quang T1 sau khi mua được ma túy thì T1 đem cất ma túy trong người rồi ra về. Khi T1 về đến nhà tại xóm T, xã N thì T1 có lấy một viên ma túy trong số ma túy nói trên ra để sử dụng, sau khi sử dụng hết 01 (một) viên ma túy tổng hợp bằng hình thức hít, số ma túy còn lại T1 cất giấu trong túi quần phía trước bên trái chiếc quần mà T1 mặc nhằm mục đích để bán cho người khác để kiếm lời. Sau khi sử dụng ma túy xong thì T1 ở nhà, đến khoảng 12 giờ cùng ngày có Nguyễn Văn C gọi điện thoại cho T1 hỏi mua ma túy về để sử dụng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), T1 đồng ý thống nhất qua điện thoại với C cách thức giao dịch như sau: Số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) C chuyển khoản ngân hàng cho T1, sau khi nhận được tiền thì T1 sẽ bán cho C 05 (năm) viên ma túy tổng hợp (hồng phiến), T1 sẽ cất giấu ma túy tại tường rào gần khúc cua vào nhà T1 để C đến lấy, nếu không thấy C gọi lại thì biết là C đã lấy được số ma túy đó. Sau khi thống nhất xong thì C chuyển khoản cho T1 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến số tài khoản 5130920133, ngân hàng B của Lê Quang T1. Sau khi Lê Quang T1 nhận được tiền từ Nguyễn Văn C thì T1 lấy số ma túy trong túi quần của mình ra rồi sử dụng bao ni lông và băng dán đen gói 05 (năm) viên ma túy hồng phiến trong số ma túy T1 mua được trước đó, sau đó T1 đi bộ ra tường rào tại khúc cua gần lối vào nhà và để gói chứa 05 (năm) viên ma túy trên lên tường rào rồi ra về. Một lúc sau không thấy C gọi lại thì T1 biết là C đã đến và lấy được 05 (năm) viên ma túy trên nên không ra địa điểm cất giấu 05 (năm) viên ma túy nói trên để kiểm tra nữa.

Đến khoảng 13 giờ 20 phút ngày 07/04/2024, khi Nguyễn Văn C đi đến khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì bị Tổ công tác Công an phường Q, thị xã T bắt quả tang, thu giữ trong chiếc giày phía bên chân phải của C đang đi 01 (một) túi nilon trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen kích thước khoảng (01x02)cm, bên trong có chứa 05 (năm) viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, trên một mặt của mỗi viên có chữ WY nghi là ma túy tổng hợp (theo Nguyễn Văn C khai nhận các viên nén màu hồng nêu trên là

ma túy dạng H1 phiên). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng, sau đó dẫn giải Nguyễn Văn C về trụ sở Công an Thị xã T để điều tra làm rõ.

Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thị xã T đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Quang T1 tại xóm T, xã N, huyện N, thu giữ 01 (một) túi nilon màu xanh có kích thước (9x6,5) cm, bên trong có chứa 48 (bốn mươi tám) viên nén hình tròn màu hồng có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi viên là 0,5 cm, trên một mặt của mỗi viên có chữ “WY” tại vị trí trong túi quần ngoài phía trước bên trái chiếc quần mà Lê Quang T1 đang mặc (theo Lê Quang T1 khai nhận các viên nén màu hồng nêu trên là ma túy dạng H1 phiên). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, dẫn giải Lê Quang T1 về trụ sở để điều tra làm rõ.

Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 07 tháng 4 năm 2024 tại xóm C, xã N, huyện N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Vũ Văn L, thu giữ 01 (một) túi nilon màu xanh, kích thước (9x6) cm, bên trong có chứa 87 (tám mươi bảy) viên nén hình tròn màu hồng có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi viên là 0,5 cm, trên một mặt của mỗi viên có chữ “WY” và 01 (một) túi nilon màu trắng, bên ngoài được dán kín bằng băng dính màu đen, bên trong có chứa 101 (một trăm linh một) viên nén hình tròn màu hồng có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi viên là 0,5 cm, trên một mặt của mỗi viên có chữ “WY” tại vị trí trong túi quần đùi phía trước bên phải của Vũ Văn L đang mặc (theo Vũ Văn L khai nhận số viên nén màu hồng trên là ma túy tổng hợp). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, dẫn giải Vũ Văn L2 về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập hồi 15 giờ 20 phút ngày 07/04/2024 của cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: 05 viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, mỗi viên có đường kính 0,5cm, trên một mặt của mỗi viên có in chữ “WY” thu giữ của Nguyễn Văn C có khối lượng là 0,51 gam (không phải năm mươi một gam) sau khi loại bỏ bao bì.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập hồi 17 giờ 05 phút ngày 07/04/2024 của cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: 48 viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, mỗi viên có đường kính 0,5cm, trên một mặt của mỗi viên có in chữ “WY” thu giữ của Lê Quang T1 có khối lượng là 4,97 gam (bốn phẩy chín mươi bảy gam).

Tại Biên bản thống nhất xác định khối lượng chất ma túy lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 19/06/2024 của cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: Khối lượng 01 viên ma túy mà Lê Quang T1 đã sử dụng hết là: $((0,51+4,97):53) \times 1 \text{ viên} = 0,103 \text{ gam}$ (không phải một trăm linh ba gam).

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại lập hồi 20 giờ 10 phút ngày 07/04/2024 của cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: 87 (tám mươi bảy) viên nén màu hồng có đặc điểm, kích thước giống nhau, mỗi viên có đường kính 0,5cm, trên một mặt của mỗi viên có in chữ “WY” có khối lượng là 8,98 gam (tám phẩy chín mươi tám gam) sau khi đã loại bỏ bao bì; 101 (một trăm linh một) viên nén màu hồng có đặc điểm, kích

thước giống nhau, mỗi viên có đường kính 0,5cm, trên một mặt của mỗi viên có in chữ “WY” có khối lượng là 10,49 gam (mười phẩy bốn mươi chín gam) sau khi đã loại bỏ bao bì. Tổng khối lượng các viên nén màu hồng có đặc điểm nêu trên thu giữ của Vũ Văn L2 là 19,47 gam (mười chín phẩy bốn mươi bảy gam) sau khi đã loại bỏ bao bì.

Tại Kết luận giám định số 408/KL-KTHS(Đ2- MT) ngày 12/4/2024 của phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

+ Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1) thu giữ của Nguyễn Văn C gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; số viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn C có tổng khối lượng là 0,51 gam (không phẩy năm một gam).

+ Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M2) thu giữ của Lê Quang T1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; số viên nén màu hồng thu giữ của Lê Quang T1 có tổng khối lượng là 4,97 gam (bốn phẩy chín mươi bảy gam).

+ 02 mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M3, M4) thu giữ của Vũ Văn L2 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine; số viên nén màu hồng thu giữ của Vũ Văn L2 có tổng khối lượng là 19,47 gam (mười chín phẩy bốn mươi bảy gam).

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 24 tháng 7 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Vũ Văn L2 và Lê Quang T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 - BLHS; truy tố Nguyễn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L2 từ 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T1 từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS:

Tuyên tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO I15, màu xanh, số IMEI 1 : 867251054400404, số IMEI 2: 867251054400412, gắn sim số 0345868030, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11, màu đen, số IMEI 1 : 355629113114950, số IMEI 2: 355630113114958, gắn sim số 0974857250, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Quang T1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F, màu xanh, số IMEI 1: 869563049133496, số IMEI 2: 869563049133488, gắn sim số

0395423270 và 0988711550, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn L2 do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng, 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6,5)cm, bên trong chứa 38 viên nén màu hồng và 01 phong bì thư; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6)cm, bên trong chứa 77 viên nén hình tròn và 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen, bên trong có chứa 91 viên nén hình tròn màu hồng, 01 phong bì thư (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tuyên truy thu từ bị cáo Vũ Văn L2 số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); truy thu từ bị cáo T1 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 30 phút, ngày 07/4/2024, tại đường L thuộc khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 07/4/2024, tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 17 giờ 20 phút ngày 07/4/2024 tại xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cùng vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Khoảng 06 giờ ngày 05/04/2024, Vũ Văn L2 lên khu vực ngã ba Thông Thụ thuộc xã T, huyện Q, Nghệ An mua được của một người đàn ông không quen biết 250 viên ma túy Methamphetamine với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) mang về nhà và sử dụng hết 08 viên ma túy. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07 tháng 4 năm 2024, Vũ Văn L2 bán cho Lê Quang T1 54 (năm mươi tư) viên ma túy Methamphetamine với giá 3.000.000 đồng. Số ma túy còn lại

là 188 viên L2 chia ra làm 02 gói gồm: 01 gói ni lông màu xanh bên trong có chứa 87 viên ma túy hồng phiến và 01 gói ni lông màu trắng bên trong có chứa 101 viên ma túy hồng phiến nhằm mục đích bán cho các con nghiện để lấy tiền tiêu xài. Lê Quang T1 sau khi mua được ma túy của L2 thì đi về nhà lấy 01 viên ra sử dụng hết. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Lê Quang T1 bán cho Nguyễn Văn C 05 viên ma túy Methamphetamine với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Nguyễn Văn C đi đến khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an phường Q, thị xã T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn C có hành vi tàng trữ 0,51 gam (không phải năm mươi một gam) ma túy (Methamphetamine). Như vậy tổng khối lượng ma túy (M) Vũ Văn L2 cất giấu để bán kiếm lời và đã bán cho Lê Quang T1 là 25,053 gam; tổng khối lượng ma túy (Methamphetamine) Lê Quang T1 cất giấu để bán kiếm lời và đã bán cho Nguyễn Văn C là 5,583 gam; tổng khối lượng ma túy (Methamphetamine) Nguyễn Văn C tàng trữ để sử dụng là 0,51 gam. Do đó hành vi của các bị cáo Vũ Văn L2, Lê Quang T1 đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 - BLHS. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 - BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo L2, T1 là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo C là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng với mục đích kiếm lời và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ từng hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Tổng khối lượng ma túy (Methamphetamine) Vũ Văn L2 cất giấu để bán kiếm lời và đã bán cho Lê Quang T1 là 25,053 gam nên phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò cao nhất trong vụ án; tổng khối lượng ma túy (Methamphetamine) Lê Quang T1 cất giấu để bán kiếm lời và đã bán cho Nguyễn Văn C là 5,583 gam nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo L2; bị cáo Nguyễn Văn C tàng trữ 0,51 gam ma túy (Methamphetamine) để sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo Vũ Văn L2 và Lê Quang T1 đang có một tiền án về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do đó căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 - BLHS tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Mặt khác các bị cáo L2,

T1, C đều có nhân thân xấu, bị cáo L2 đã hai lần bị kết án về tội “Đánh bạc”; bị cáo T1 đã từng bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo C đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc”. Tuy đều đã đương nhiên xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe, giáo dục, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, do đó cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp việc xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO I15, màu xanh, số IMEI 1 : 867251054400404, số IMEI 2: 867251054400412, gắn sim số 0345868030, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11, màu đen, số IMEI 1 : 355629113114950, số IMEI 2: 355630113114958, gắn sim số 0974857250, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Quang T1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F, màu xanh, số IMEI 1: 869563049133496, số IMEI 2: 869563049133488, gắn sim số 0395423270 và 0988711550, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn L2. Xét đây là vật chứng do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS.

Đối với Gồm 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng, 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6,5)cm, bên trong chứa 38 viên nén màu hồng và 01 phong bì thư; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6)cm, bên trong chứa 77 viên nén hình tròn và 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen, bên trong có chứa 91 viên nén hình tròn màu hồng, 01 phong bì thư (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định). Xét đây là vật chứng nhà nước cầm tàng trữ và vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

[8] Biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định được bị cáo L2 bán trái phép chất ma túy cho bị cáo T1 thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); bị cáo T1 bán trái phép chất ma túy cho bị cáo C thu lợi bất chính số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Do đó cần truy thu từ các bị cáo L2, T1 số tiền trên để nộp ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho L2 vào ngày 05/04/2024 tại khu vực ngã 3 Thông Thụ thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không đủ cơ sở để xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Văn L2 vào ngày 05/04/2024 và Lê Quang T1 vào ngày 07/4/2024: Ngày 05/7/2024, Công an thị xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vũ Văn L2 và Lê Quang T1 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021.

[10] Về án phí: Buộc tất cả các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L2 13 (mười ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/4/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T1 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/4/2024.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 18 (mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/4/2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS:

Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO I15, màu xanh, số IMEI 1 : 867251054400404, số IMEI 2: 867251054400412, gắn sim số 0345868030, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A11, màu đen, số IMEI 1 : 355629113114950, số IMEI 2: 355630113114958, gắn sim số 0974857250, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Quang T1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 2F, màu xanh, số IMEI 1: 869563049133496, số IMEI 2: 869563049133488, gắn sim số 0395423270 và 0988711550, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn L2.

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng, 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6,5)cm, bên trong chứa

38 viên nén màu hồng và 01 phong bì thư; 01 phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (23x16)cm bên trong có chứa 01 gói ni lông màu xanh, kích thước (9x6)cm, bên trong chứa 77 viên nén hình tròn và 01 gói ni lông trong suốt, bên ngoài được bọc bằng băng dán màu đen, bên trong có chứa 91 viên nén hình tròn màu hồng, 01 phong bì thư (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định)

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa Công an thị xã T và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS: Truy thu từ bị cáo L2 số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); truy thu từ bị cáo T1 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Vũ Văn L2, Lê Quang T1 và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên